

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Địa chỉ: Số 3, phố Đội Cung, Phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Chương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

228-C

G TY

HỮU

VÀ ĐỊNH

NAM

TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015



Số :-15/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 03 năm 2015 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do không thể thu thập được những bằng chứng đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến nhận xét về việc ghi nhận doanh thu tài chính với giá trị 27.456.730.000 đồng, tăng khoản mục phải thu khác với giá trị 48.000.000.000 đồng và giảm giá trị khoản đầu tư vào công ty con với giá trị 20.543.270.000 đồng từ việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng nên chúng tôi đã không thể đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Đến thời điểm 31/12/2014, khoản công nợ phải thu của Ông Nguyễn Văn Mừng liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu nêu trên chưa được tất toán. Ngoài ra, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu quá hạn với khoản công nợ trên. Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014, do ảnh hưởng có thể có của vấn đề trên đối với tính có thể so sánh của dữ liệu tương ứng với dữ liệu kỳ hiện tại.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt và sáu (06) bản tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 09 bản tiếng Việt và 05 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nghiêm Thị Thu Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1914-2013-034-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		70.614.456.810	80.147.865.554
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	446.101.187	109.512.798
1 Tiền	111		446.101.187	109.512.798
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.484.562.919	76.693.036.506
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	11.487.791.771	30.712.493.657
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	112.000.000	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	57.248.264.339	48.360.017.145
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.363.493.191)	(2.379.474.296)
IV Hàng tồn kho	140		3.230.586.947	3.001.367.970
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	3.230.586.947	3.001.367.970
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		453.205.757	343.948.280
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.000.000	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.789.477	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	36.483.280	36.483.280
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	319.933.000	307.465.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		106.346.568.129	111.602.930.627
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		354.300.054	479.554.920
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	139.092.322	264.347.188
- Nguyên giá	222		5.468.808.975	5.468.808.975
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-5.329.716.653	-5.204.461.787
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5.	215.207.732	215.207.732
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	105.795.813.535	111.012.321.167
1 Đầu tư vào công ty con	251		121.132.205.013	120.632.205.013
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.179.936.000	22.179.936.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.368.243.996	4.368.243.996
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(41.884.571.474)	(36.168.063.842)
V Tài sản dài hạn khác	260		196.454.540	111.054.540
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	196.454.540	111.054.540
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		176.961.024.939	191.750.796.181

120
ÔN
NHIE
DANH
TET
Y-

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		112.544.961.236	111.819.885.964
I Nợ ngắn hạn	310		50.329.606.720	49.856.122.448
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	34.373.708.895	35.545.979.393
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.4	351.943.008	598.937.108
3 Người mua trả tiền trước	313		-	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	2.785.656.515	2.793.179.741
5 Phải trả người lao động	315		80.819.000	106.500.000
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	9.186.542.512	9.444.915.146
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	3.330.511.686	1.135.825.956
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		220.425.104	230.785.104
II Nợ dài hạn	330		62.215.354.516	61.963.763.516
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	62.215.354.516	61.963.763.516
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		64.416.063.703	79.930.910.217
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	64.416.063.703	79.930.910.217
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	6.719.029.425
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.137.798.402
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	150.037.319
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(57.603.652.243)	(42.088.805.729)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		176.961.024.939	191.750.796.181

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Tạ Thị Thu Hà

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	43.769.978.969	60.261.674.641
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.15.	-	51.218.436
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.16.	43.769.978.969	60.210.456.205
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	43.046.287.076	61.361.592.104
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		723.691.893	(1.151.135.899)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	652.695.347	2.317.894.782
7 Chi phí tài chính	22	VI.19.	14.277.316.117	15.614.789.763
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.836.498.274	9.378.866.093
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.5	2.613.917.637	6.279.941.274
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(15.514.846.514)	(20.727.972.154)
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.6	-	12.540.019.665
12 Chi phí khác	32	VIII.3.7	-	443.345.192
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	12.096.674.473
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(15.514.846.514)	(8.631.297.681)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(15.514.846.514)	(8.631.297.681)

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Tạ Thị Thu Hà



Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		66.776.441.971	121.010.174.749
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(48.921.881.803)	(52.260.370.178)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.098.302.000)	(2.132.841.122)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.613.804.302)	(9.378.939.093)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.668.355.358	23.971.166.273
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.430.922.795)	(16.830.885.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.379.886.429	64.378.305.266
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	12.540.019.665
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(25.780.172.604)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	24.343.681.604
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(14.021.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.386.743	726.028.411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.386.743	(2.191.442.924)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		61.814.385.860	69.475.794.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(63.861.070.643)	(131.945.334.372)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.046.684.783)	(62.469.539.872)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		336.588.389	(282.677.530)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		109.512.798	392.190.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	446.101.187	109.512.798

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc



Tạ Thị Thu Hà



Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 4 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bốn ngày 16 tháng 06 năm 2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: **97.509.480.000 VND** (Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, năm trăm lẻ chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và sản xuất kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất kim loại; Sản xuất khung nhà kho bằng thép; sản xuất các kết cấu kiện thép cho xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe; Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất động cơ, tua bin; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bru chính; Chuyển phát;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí thi công lắp đặt các công trình cấp thoát nước;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ: Số 3, phố Đội Cung, Phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

- Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Máy móc, thiết bị	6 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con là công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt, hoàn nhập dự phòng theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay thấp hơn số dự phòng đã lập năm trước là Công ty TNHH kết cấu Thép Bắc Việt, Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Nippon Steel & Sumikin và Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác là giá trị công cụ, dụng cụ phát sinh có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng vay, thời gian và lãi suất vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các hàng hóa về thép, cho thuê xe ô tô và doanh thu từ tiền lãi tiền

Doanh thu bán hàng hoá được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi ký quỹ được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào thông báo chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng giảm giá đầu tư...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các chi phí thực tế để mua sắm và xây dựng của dự án Logistic Bắc Ninh, dự án Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các mặt hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	78.377.373	18.243.227
Tiền gửi ngân hàng	367.723.814	91.269.571
Tiền VND	360.472.559	83.516.013
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	21.234.651	2.335.352
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	3.851.404	1.102.220
Ngân hàng TNHH Indovina -CN Mỹ Đình	229.240.710	77.208.184
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đống Hà Nội	105.097.341	1.668.560
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Thành	1.048.453	1.201.697
Tiền ngoại tệ USD	7.251.255	7.753.558
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	2.794.301	2.794.301
Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - CN Hà Thành	2.155.990	2.870.754
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long	2.088.503	2.088.503
Ngân hàng Indovina -CN Mỹ Đình	212.461	-
Tổng cộng	446.101.187	109.512.798
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	57.248.264.339	48.360.017.145
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	-	798.908.489
Ông Nguyễn Văn Mừng (1)	47.520.000.000	47.520.000.000
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	4.955.476.712	-
Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt	4.753.537.668	-
Các đối tượng khác	19.249.959	41.108.656
Tổng cộng	57.248.264.339	48.360.017.145
(1) Là khoản tiền chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần kim Khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng phát sinh từ năm 2011.		
3. Hàng tồn kho	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	14.536.364
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	892.364.252	892.364.252
Thành phẩm	-	49.500.000
Hàng hoá	2.338.222.695	2.044.967.354
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.230.586.947	3.001.367.970

Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để vay vốn ngân hàng.

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là giá trị kinh doanh dở dang công trình Hệ thống ống thoát nước và công trình Quang Trung đã phát sinh từ rất lâu. Khách hàng không trả tiền nên Công ty tạm dừng thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Địa chỉ: Số 3, phố Đội Cung, Phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2014	1.057.089.603	4.345.234.327	66.485.045	5.468.808.975
Mua trong năm	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	1.057.089.603	4.345.234.327	66.485.045	5.468.808.975
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2014	1.047.714.603	4.090.262.139	66.485.045	5.204.461.787
Khấu hao trong năm	7.500.000	117.754.866	-	125.254.866
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	1.055.214.603	4.208.017.005	66.485.045	5.329.716.653
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	9.375.000	254.972.188	-	264.347.188
Tại ngày 31/12/2014	1.875.000	137.217.322	-	139.092.322

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.812.211.157 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án Logistis Bắc Ninh và Công nghệ Lý Thái Tổ (*)	215.207.732	215.207.732
Tổng cộng	215.207.732	215.207.732

(*) Dự án Logistis Bắc Ninh và Công nghệ Lý Thái Tổ đã ngừng không triển khai từ năm 2010 đến nay.

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty con		121.132.205.013		120.632.205.013
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	-	31.000.000.000	-	31.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt	2.060.295	26.382.205.013	2.060.295	26.382.205.013
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt	6.375.000	63.750.000.000	6.325.000	63.250.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết		22.179.936.000		22.179.936.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	207.400	6.222.000.000	207.400	6.222.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	50.000	3.060.000.000	50.000	3.060.000.000
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin metal products VN	-	12.897.936.000	-	12.897.936.000
Đầu tư dài hạn khác		4.368.243.996		4.368.243.996
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel	50.000	1.452.457.000	50.000	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.915.786.996	-	2.915.786.996
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				
			31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt			(11.181.520.649)	(11.940.499.181)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt			(16.258.685.572)	(19.342.720.237)
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin metal products VN			(10.104.808.411)	(4.884.844.424)
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt			(4.339.556.842)	-
Tổng cộng			(41.884.571.474)	(36.168.063.842)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2014
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	100%	100%	100%	31.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt	-	89.47%	89.47%	26.382.205.013
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt	-	99.12%	89.47%	63.750.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	34%	34%	34%	6.222.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	25%	25%	25%	3.060.000.000
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin metal products VN	24%	24%	24%	12.897.936.000
7. Chi phí trả trước dài hạn			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Công cụ dụng cụ			196.454.540	111.054.540
Tổng cộng			196.454.540	111.054.540
8. Vay và nợ ngắn hạn		Lãi suất (%/năm)	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Vay ngắn hạn			34.373.708.895	35.545.979.393
VND				
Vũ Hồng Thủy	11.5%	2.083.277.208	1.889.735.801	
Nguyễn Vũ Giang	11.5%	746.335.156	681.198.042	
Các đối tượng khác	11.5%	1.519.933.681	2.867.167.050	
USD				
Ngân hàng TMCP Indovina - CN Mỹ Đình (1)			30.024.162.850	30.107.878.500
Tổng cộng			34.373.708.895	35.545.979.393

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

(1) Vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 026/IVBMD-HĐHM/2014, Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, Thời gian giải ngân đến hết ngày 28/2/2014, Mục đích vay: Tài trợ cho một phần vốn lưu động của bên vay, Lãi suất vay: 10,5% cho 360 ngày đối với các khoản vay VND và 5% cho 360 ngày đối với các khoản vay USD, Thời hạn các khoản vay thông thường (theo Giấy cam kết trả nợ) không được quá 180 ngày, Quyền sử dụng 42.350 m² đất của Công ty CP Kim khí Bắc Việt tại khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng có tổng giá trị là 19.216.312.500 VND; Toàn bộ tồn kho hàng hóa của Công ty CP Thép Bắc Việt được hình thành từ nguồn vốn vay Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đông Đa.

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
Thuế GTGT đầu ra	2.647.705.993	-	-	2.647.705.993
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(36.483.280)	-	-	(36.483.280)
Thuế thu nhập cá nhân	145.473.748	43.008.279	50.531.505	137.950.522
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	36.483.280			36.483.280
Cộng thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.793.179.741			2.785.656.515

10. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí lãi vay	9.186.542.512	9.444.915.146
Tổng cộng	9.186.542.512	9.444.915.146

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	45.679.054	51.798.054
Bảo hiểm xã hội	-	310.519.791
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.284.832.632	773.508.111
Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt	-	608.000.000
Công ty CP Công Nghệ Bắc Việt	3.097.902.244	-
Cục thuế TP Hà Nội	91.980.604	141.980.604
Các khoản phải trả khác	94.949.784	23.527.507
Tổng cộng	3.330.511.686	1.135.825.956

12. Vay và nợ dài hạn

	Lãi suất %/năm	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn		62.215.354.516	61.963.763.516
Vay VND Ngân hàng TMCP xăng dầu petrolimex - CN Thăng Long	11%	41.917.182.516	41.917.182.516

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Vay USD Ngân hàng TMCP xăng dầu petrolimex - CN Thăng Long	6%	20.298.172.000	20.046.581.000
--	----	----------------	----------------

Tổng cộng		62.215.354.516	61.963.763.516
------------------	--	-----------------------	-----------------------

Khoản vay dài hạn ngân hàng PG là khoản vay dài hạn theo hợp Hợp đồng dài hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ (Theo thông báo cơ cấu số 01/TBCC/2013 ngày 11/11/2013).

13. Vốn chủ sở hữu**14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	97.509.480.000	16.503.370.800	(33.457.508.048)	80.555.342.752
Lỗ trong năm trước	-	-	(8.631.297.681)	(8.631.297.681)
Số dư tại ngày 31/12/2013	97.509.480.000	16.503.370.800	(42.088.805.729)	71.924.045.071
Lỗ trong năm nay	-	-	(15.514.846.514)	(15.514.846.514)
Số dư tại ngày 31/12/2014	97.509.480.000	16.503.370.800	(57.603.652.243)	56.409.198.557

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2014

01/01/2014

VND

VND

Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
Tổng cộng	97.509.480.000	97.509.480.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm 2014

Năm 2013

VND

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp đầu năm	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	97.509.480.000	97.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

14.4 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không

14.5 Cổ phiếu

Năm 2014

Năm 2013

Cổ phiếu

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.750.948	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

14.6 Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

01/01/2014 Tăng trong năm Giảm trong năm 31/12/2014

Quỹ đầu tư phát triển	6.719.029.425	-	-	6.719.029.425
Quỹ dự phòng tài chính	1.137.798.402	-	-	1.137.798.402
Quỹ khác thuộc vốn CSH	150.037.319	-	-	150.037.319
Tổng cộng	8.006.865.146	-	-	8.006.865.146

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Năm 2014

Năm 2013

VND

VND

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

43.769.978.969 60.261.674.641

Tổng cộng**43.769.978.969 60.261.674.641****15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Năm 2014

Năm 2013

VND

VND

Giảm giá hàng bán

- 51.218.436

Tổng cộng**- 51.218.436****16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Năm 2014

Năm 2013

VND

VND

Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

43.769.978.969 60.210.456.205

Tổng cộng**43.769.978.969 60.210.456.205****17. Giá vốn hàng bán**

Năm 2014

Năm 2013

VND

VND

Giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp

43.046.287.076 61.361.592.104

Tổng cộng**43.046.287.076 61.361.592.104****18. Doanh thu hoạt động tài chính**

Năm 2014

Năm 2013

VND

VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

3.386.743 726.028.411

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

19.435.750 110.972.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	80.699.000
Lãi ký quỹ	629.872.854	-
Lãi công nợ phải thu chậm trả	-	1.400.194.871
Tổng cộng	652.695.347	2.317.894.782
19. Chi phí tài chính	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.836.498.274	9.378.866.093
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	32.826.256	31.667.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.123.965	391.801.161
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	630.359.990	683.713.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.716.507.632	5.128.742.262
Tổng cộng	14.277.316.117	15.614.789.763
20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	44.422.674.316	75.068.370.652
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	59.813.390.430	82.694.022.123
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.390.716.114)	(7.625.651.471)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
21. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.251.670.795	2.385.013.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.254.866	520.809.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.264.336.721	3.150.777.383
Chi phí khác bằng tiền	-	223.340.918
Tổng cộng	2.641.262.382	6.279.941.274
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.		
23. Công cụ tài chính		
Quản lý rủi ro vốn		
Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	446.101.187	109.512.798
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.372.562.919	76.693.036.506
Các khoản đầu tư tài chính	4.368.243.996	4.368.243.996
Tổng cộng	71.186.908.102	81.170.793.300
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	96.589.063.411	97.509.742.909
Phải trả người bán và phải trả khác	3.682.454.694	1.734.763.064
Chi phí phải trả	9.186.542.512	9.444.915.146
Tổng Cộng	109.458.060.617	108.689.421.119

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	50.322.334.850	50.424.596.500	7.251.255	7.753.558

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.682.454.694	-	3.682.454.694
Chi phí phải trả	9.186.542.512	-	9.186.542.512
Các khoản vay	34.373.708.895	62.215.354.516	96.589.063.411
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.734.763.064	-	1.734.763.064
Chi phí phải trả	9.444.915.146	-	9.444.915.146
Các khoản vay	35.545.979.393	61.963.763.516	97.509.742.909

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Nhưng Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	446.101.187	-	446.101.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.372.562.919	-	66.372.562.919
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.512.798	-	109.512.798
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.693.036.506	-	76.693.036.506
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**23. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chuyển nợ thành vốn góp vào Công ty CP Công Nghệ Bắc Việt	-	30.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện của vay ngắn hạn	-	110.972.500
Thu thuế thu nhập cá nhân bằng giảm gốc vay ngắn hạn	-	34.319.967
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm của vay ngắn hạn	-	1.370.185.357
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của vay dài hạn	-	80.699.000
Bù trừ công nợ phải trả với khoản đầu tư ngắn hạn	-	3.563.000.000
Phân loại các khoản công nợ phải thu sang đầu tư ngắn hạn	-	2.126.509.000
Lãi vay cá nhân nhập vào gốc	912.633.061	-
Khấu trừ thuế TNCN vào gốc vay	27.109.526	-
Lãi chênh lệch tỷ giá khi mua ngoại tệ trả gốc vay	22.036.750	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại khoản vay dài hạn cuối kỳ	251.591.000	-

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Địa chỉ: Số 3, phố Đội Cung, Phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Giao dịch với các bên liên quan****Doanh thu**

Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt

Công ty liên kết

26.116.956.026

27.468.211.632

Bán hàng cho Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt

Công ty con

2.824.265.351

9.986.751.297

Bán hàng cho Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt

Công ty con

1.189.652

-

Bán hàng cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt

Công ty con

13.516.629.928

12.983.496.969

Công ty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam

Các khoản đầu tư

157.698.377

464.590.756

Mua hàng

Mua hàng của Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt

Công ty con

34.087.450.587

21.253.334.697

Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt

Công ty liên kết

4.958.473.655

18.705.043.830

Mua Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin metal products VN

Các khoản đầu tư

253.623.975

-

Mua hàng của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt

Công ty con

76.917.890

2.044.497.787

Mua hàng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt

Công ty con

642.000

-

Các khoản đầu tư

Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt

Công ty con

-

23.472.640.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt

Công ty con

-

4.438.041.604

Lãi bán hàng trả chậm

Lãi bán hàng trả chậm công TNHH kết cấu Thép Bắc Việt

Công ty con

-

1.400.194.871

Lãi cho vay

Lãi cho vay công TNHH kết cấu Thép Bắc Việt

Công ty con

-

598.291.619

Lãi cho vay công CP Công nghệ Bắc Việt

Công ty con

-

120.965.151

Bán thanh lý tài sản

Bán tài sản cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt

Công ty liên kết

-

11.611.360.000

2.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm

Lương

262.487.000

246.444.083

Tổng cộng**262.487.000****246.444.083**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Địa chỉ: Số 3, phố Đội Cung, Phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

2.3 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	13.397.296.264	5.933.377.032
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	-	14.614.005.454
Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	499.219.593	7.232.567.965
Công ty CP Đầu tư & Xây Dựng Hanel	Đầu tư dài hạn khác	503.504.125	503.504.125
Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	Công ty Con	4.753.537.660	798.908.489
Ông Nguyễn Văn Mừng	Phó phòng Kinh doanh	47.520.000.000	47.520.000.000
Các khoản phải trả			
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	3.097.902.244	-
Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	Công ty Con	706.200	-
3. Những thông tin khác			
3.1 Phải thu của khách hàng		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty CP Thương mại Bắc Việt		499.219.593	7.232.567.965
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt		8.441.819.552	5.933.377.032
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt		-	14.614.005.454
Nhà máy Chế tạo Thiết bị nâng hạ		1.280.406.080	1.280.406.080
Công ty TNHH TM và VT Công Nghiệp		-	11.668.791
Các đối tượng khác		1.266.346.546	1.640.468.335
Tổng cộng		11.487.791.771	30.712.493.657
3.2 Trả trước cho người bán		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Phú Đức		50.000.000	-
Các đối tượng khác		62.000.000	-
Tổng cộng		112.000.000	-
3.3 Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng		313.583.000	307.465.000
Ngô Xuân Thọ		10.000.000	10.000.000
Tạ Anh Tuấn		140.000.000	140.000.000
Nguyễn Xuân Khang		7.300.000	11.000.000
Ngô Xuân Lộc		37.000.000	37.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Hà		6.000.000	6.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Địa chỉ: Số 3, phố Đội Cung, Phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Nguyễn Văn Mừng	7.750.000	7.750.000
Các đối tượng khác	105.533.000	95.715.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.350.000	-
Tổng cộng	319.933.000	307.465.000
3.4 Phải trả người bán	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Thép Chương Dương	49.907.692	49.907.692
Công ty Wuxi Zonhai Intl Corporation, Ltd	270.137.000	270.137.000
Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại	-	255.800.300
Các đối tượng khác	31.898.316	23.092.116
Tổng cộng	351.943.008	598.937.108
3.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.251.670.795	2.385.013.945
Chi phí khấu hao TSCĐ	113.891.226	520.809.028
Hoàn nhập dự phòng	(15.981.105)	182.345.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.264.336.721	3.191.772.629
Tổng cộng	2.613.917.637	6.279.941.274
3.6 Thu nhập khác	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	12.540.019.665
Tổng cộng	-	12.540.019.665
3.7 Chi phí khác	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	-	443.345.192
Tổng cộng	-	443.345.192

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3.8 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Tạ Thị Thu Hà



Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

2015